

Bản án số: 112/2017/DS-ST

Ngày: 25/8/2017

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Quang Khai

2. Ông Trịnh Văn Thái

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2017/TLST-DS ngày 16/5/2017, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST-DS ngày 20/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2017/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Địa chỉ: Số 130 P, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc V – Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bình Thuận – Phòng giao dịch L. Địa chỉ: Số 148 L, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: + Ông Trần Văn H, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

+ Hội liên hiệp phụ nữ xã T, thị xã L, Bình Thuận: Do Bà Ngô Thị Thùy A Chủ tịch Hội đại diện.

(Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đề ngày 27/12/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Bà Trần Thị H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L – PGD L với số tiền vay là 20.000.000 đồng theo Hợp đồng vay vốn số 013727001T15009 với thời hạn vay 12 tháng (ngày 11/02/2015 đến ngày 11/02/2016), lãi suất 10%/năm, lãi gộp. Khoảng thời gian từ ngày 11/02/2015 đến ngày 11/02/2016, bà Hạnh trả cho Ngân hàng TMCP Đ được tổng số tiền vốn và lãi là 16.560.000 đồng. Bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 5.280.000 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 12/7/2017 là 3.820.000 đồng. Tổng số tiền là: 9.100.000 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, gửi thông báo trả nợ vay nhưng bà Trần Thị H vẫn cố tình không thanh toán nợ vay. Nay ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà H trả số tiền vay trên. Nếu không trả được nợ vay cho Ngân hàng thì yêu cầu Ông Trần Văn H là người bảo lãnh cho bà Trần Thị H vay vốn thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Theo bản tự khai và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà H thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L là 20.000.000 đồng vào tháng 2/2015 thông qua Hội phụ nữ xã T, mục đích để chăn nuôi và chi tiêu gia đình. Bà H đã trả nợ vay cho Ngân hàng khoảng 16.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà H còn nợ của Ngân hàng, bà chấp nhận trả mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết thông báo theo quy định của pháp luật nhưng ông Trần Văn H không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai của ông H.

Đại diện Hội liên hiệp phụ nữ xã T trình bày: Hội liên hiệp phụ nữ xã T chỉ ký xác nhận vào giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ nội dung **hộ vay vốn là hội viên của Hội phụ nữ xã, còn trách nhiệm trả nợ là do người vay, Hội chỉ tham gia nhắc nhở đôn đốc. Khi có tranh chấp thì Tòa giải quyết theo pháp luật.**

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

Về nội dung: Qua nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh L tổng số tiền 9.100.000 đồng. Trường hợp bà H không thanh toán được nợ vay thì buộc ông Trần Văn H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền trên. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe nguyên đơn trình bày. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, Hội phụ nữ xã T có đơn xin vắng mặt, bị đơn và ông Trần Văn H vắng mặt không có lý do nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ là 9.100.000 đồng, bị đơn thừa nhận có vay tiền mục đích chăn nuôi theo như nguyên đơn khai và hiện còn nợ một số tiền như trên. Quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Quan hệ tranh chấp vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ dân sự được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên thống nhất số tiền nợ tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện là 9.100.000đ nhưng các bên không thỏa thuận được về thời gian và cách thức trả nợ. Hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn đã ký hợp đồng vay nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng theo Hợp đồng vay vốn số 013727001T15009 với thời hạn vay 12 tháng (ngày 11/02/2015 đến ngày 11/02/2016), lãi suất 10%/năm, tính lãi gộp bằng cách hàng tháng bị đơn trả cả gốc và lãi là 1.840.000đ cho Ngân hàng.

Hiện nay tổng số tiền bị đơn đã trả cho Ngân hàng cả vốn lẫn lãi là 16.560.000đ. Từ ngày 11.12.2015 Ngân hàng chuyển nợ của bà H sang nợ quá hạn, tính đến ngày 27.12.2016 thì bà H nợ gốc 5.280.000đ, nợ lãi trong hạn: 160.000đ, nợ lãi quá hạn: 3.660.000đ tổng nợ là 9.100.000đ (Chín triệu một trăm ngàn đồng) số nợ này bị đơn thừa nhận phù hợp yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Trần Văn H là người ký bảo lãnh cho bà H trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 25.11.2014 giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bình Thuận – Phòng giao dịch L và bà Trần Thị H, do vậy ông H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, ông H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ theo yêu cầu của nguyên đơn khi bà H không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp hòa giải theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông H không đến Tòa án để trình bày, không có ý kiến phản hồi về việc liên quan.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 361, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 305, Điều 471, khoản 1 Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 9.100.000đ (gồm 5.280.000 đồng nợ gốc và 3.820.000đồng nợ lãi) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Bình Thuận - Phòng giao dịch L.

Trường hợp bà Trần Thị H không trả được nợ thì ông Trần Thanh H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ 9.100.000đ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Bình Thuận - Phòng giao dịch L.

2. Án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 455.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bình Thuận – Phòng giao dịch L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0010300 ngày 12/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã L;
- THA thị xã L;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

ĐẶNG THỊ HOA NGÀ